BỘ CÔNG THƯƠNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

*****

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
KHÓA 10

Hải Dương, 2019

BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Tên chương trình : Công nghệ dệt, may
Ngành đào tạo : Công nghệ dệt, may
(Textile, Garment Technology)
Mã ngành : 7540204
Trình độ đào tạo : Đại học (Cử nhân)

(Ban hành theo Quyết định số 239/QĐ-ĐHSĐ, ngày 02 tháng 8 năm 2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sao Đỏ)

1. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Công nghệ dệt, may có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, có sức khỏe tốt, sẵn sáng đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; có kiến thức khoa học cơ bản, kiến thức cơ sở và kiến thức chuyên ngành vững chắc; có kỹ năng thiết kế, phát triển, may các sản phẩm từ cơ bản đến nâng cao; sử dụng thành thạo các phần mềm chuyên ngành về thiết kế, nhảy mẫu, giác sơ đồ; tính toán, thiết kế, vận hành được dây chuyền sản xuất may công nghiệp; có kỹ năng giao tiếp, khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, tự học nâng cao trình độ, thích ứng cao với môi trường kinh tế xã hội trong thời kỳ hội nhập. Sinh viên tốt nghiệp được cấp bằng cử nhân công nghệ dệt, may; làm được các công việc của cán bộ kỹ thuật, quản lý, tổ chức sản xuất; có khả năng nghiên cứu, đào tạo và kinh doanh trong lĩnh vực dệt, may.

1.2. Mục tiêu cụ thể

1.2.1. Kiến thức

1.2.1.1. Kiến thức giáo dục đại cương

1.2.1.1a. Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội, quốc phòng và an ninh để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

1.2.1.1b. Có kiến thức về khoa học, xã hội & nhân văn và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

1.2.1.1c. Có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.

1.2.1.2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp

1.2.1.2a. Có kiến thức nền tảng về trình bày bản vẽ, tính chất và cách sử dụng các loại vật liệu dệt may, các hệ thống cỡ số và phương pháp sửa chữa các thiết bị may thông dụng…

1.2.1.2b. Có kiến thức chuyên sâu về thiết kế các chủng loại trang phục, thiết lập tài liệu kỹ thuật, thiết kế dây chuyền, lập kế hoạch, điều hành sản xuất. Cải tiến, khắc phục những hạn chế trong quá trình tổ chức sản xuất. Ứng dụng và phát triển công nghệ mới, hiện đại trong ngành may công nghiệp.

1.2.2. Kỹ năng

1.2.2.1. Vận dụng các phương pháp thiết kế để thiết kế các sản phẩm quần áo thông dụng và thời trang.

1.2.2.2. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất các sản phẩm may công nghiệp. Có khả năng giải quyết các công việc như: chuẩn bị mẫu sản xuất, công nghệ, nguyên phụ liệu, triển khai quá trình cắt nguyên phụ liệu, quá trình may và quá trình hoàn tất các sản phẩm may.

1.2.2.3. Có khả năng phân tích thao tác để cải tiến thao tác, tổ chức nơi làm việc khoa học để giải quyết bài toán về năng suất của các doanh nghiệp may.

1.2.2.4. Thiết kế được dây chuyền may, tổ chức và điều hành sản xuất. Đề xuất các biện pháp kỹ thuật nhằm cải tiến và nâng cao hiệu suất của thiết bị, máy móc trong may công nghiệp.

1.2.2.5. Ứng dụng được phần mềm chuyên ngành và sử dụng ngoại ngữ trong công việc chuyên môn.

1.2.2.6. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá và năng lực dẫn dắt chuyên môn để giải quyết vấn đề liên quan đến sản xuất may công nghiệp

1.2.2.7. Có năng lực ngoại ngữ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

1.2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

1.2.3.1. Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm và chịu trách nhiệm trong công việc.

1.2.3.2. Có năng lực định hướng, lập kế hoạch, điều phối, quản lý, hướng dẫn, giám sát, đánh giá và đưa ra kết luận các công việc thuộc chuyên môn nghề nghiệp.

2. CHUẨN ĐẦU RA

2.1. Kiến thức

2.1.1. Có những kiến thức về lý luận Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật, quốc phòng và an ninh, giáo dục thể chất để vận dụng và giải quyết các vấn đề thực tiễn.

2.1.2. Có trình độ tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản đáp ứng yêu cầu công việc của ngành.

2.1.3. Vận dụng kiến thức về toán học, khoa học tự nhiên và ngoại ngữ để tiếp thu kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và học tập nâng cao trình độ.

2.1.4. Có kiến thức về vật liệu dệt may, thiết bị may, thiết kế trang phục, tổ chức và điều hành sản xuất...và những kiến thức về mỹ thuật, thiết kế thời trang.

2.1.5. Có kiến thức về phân tích quy trình công nghệ, tối ưu hóa quá trình sản xuất, kiểm tra, giám sát và điều hành quá trình sản xuất may công nghiệp.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Thiết kế, may thành thạo các loại sản phẩm may cơ bản, biến kiểu và nâng cao.

2.2.2. Nhận biết, phân loại, sử dụng và bảo quản các loại nguyên phụ liệu may.

2.2.3. Xây dựng, nghiên cứu tài liệu kỹ thuật và triển khai sản xuất. Xử lý và giải quyết các tình huống phát sinh trong sản xuất. Phân tích và cải tiến thao tác, tổ chức nơi làm việc khoa học.

2.2.4. Xây dựng định mức tiêu hao nguyên phụ liệu, lập phương án giá thành sản phẩm và lập kế hoạch sản xuất.

2.2.5. Tổ chức quản lý chất lượng và điều hành dây chuyền sản xuất trong doanh nghiệp may.

2.2.6. Sử dụng các phần mềm chuyên ngành để thiết kế, giác sơ đồ trên máy tính và vận hành các thiết bị công nghệ cao trong sản xuất may công nghiệp.

2.2.7. Truyền đạt được vấn đề và giải pháp kỹ thuật tới người khác trong việc thực hiện những nhiệm vụ liên quan thuộc lĩnh vực may công nghiệp.

2.2.8. Đạt trình độ tiếng Anh hoặc tiếng Trung Quốc hoặc tiếng Nhật bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam hoặc tương đương.

2.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

2.3.1. Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi.

2.3.2. Có năng lực hướng dẫn, giám sát người khác cùng thực hiện nhiệm vụ.

2.3.3. Có khả năng đưa ra được những kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt công nghệ và kỹ thuật.

2.3.4. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả năng xuất và chất lượng trong may công nghiệp.

3. THỜI GIAN ĐÀO TẠO: 4 năm

4. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 146 tín chỉ (không tính học phần tự chọn tùy ý).

5. ĐỐI TƯỢNG TUYỂN SINH: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

6. QUY TRÌNH ĐÀO TẠO, ĐIỀU KIỆN TỐT NGHIỆP

Thực hiện theo quy chế đào tạo trình độ đại học (đào tạo chính quy, tổ chức đào tạo theo hình thức tích lũy tín chỉ) và các văn bản hiện hành, được cụ thể hóa theo quy chế đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sao Đỏ.

7. THANG ĐIỂM: Sử dụng thang điểm 10 được quy đổi thành thang điểm 4 và điểm chữ

8. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG**	**47**	**37**	**10**
8.1.1		**Lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh**	**11**	**11**	**0**
1	CTRI 206	Triết học Mác - Lênin	3	3	0
2	CTRI 201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2	0
3	CTRI 204	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2	0
4	CTRI 203	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2	0
5	CTRI 205	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2	0
8.1.2		**Khoa học xã hội - Nhân văn**	**4**	**4**	**0**
8.1.2.1		PHẦN BẮT BUỘC	**2**	**2**	**0**
6	KHXH 102	Pháp luật đại cương	2	2	0
8.1.2.2		PHẦN TỰ CHỌN *(chọn 1 trong 2 học phần sau)*	**2**	**2**	0
7	QTRI 112	*Khởi nghiệp kinh doanh*	2	2	0
8	KHXH 361	*Phương pháp nghiên cứu khoa học*	2	2	0

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
8.1.3		**Ngoại ngữ *(chọn 1 trong 3 ngoại ngữ)***	**8**	**8**	**0**
8.1.3.1		**Ngôn ngữ Anh**	**8**	**8**	**0**
9	TANH 103	Tiếng Anh 1	2	2	0
10	TANH 201	Tiếng Anh 2	2	2	0
11	TANH 202	Tiếng Anh 3	2	2	0
12	TANH 303	Tiếng Anh 4	2	2	0
8.1.3.2		**Ngôn ngữ Trung**	**8**	**8**	**0**
13	TTRUNG 103	Tiếng Trung 1	2	2	0
14	TTRUNG 201	Tiếng Trung 2	2	2	0
15	TTRUNG 202	Tiếng Trung 3	2	2	0
16	TTRUNG 303	Tiếng Trung 4	2	2	0
8.1.3.3		**Ngôn ngữ Nhật**	**8**	**8**	**0**
17	TNHAT 103	Tiếng Nhật 1	2	2	0
18	TNHAT 201	Tiếng Nhật 2	2	2	0
19	TNHAT 202	Tiếng Nhật 3	2	2	0
20	TNHAT 303	Tiếng Nhật 4	2	2	0
8.1.4		**Toán học - Khoa học tự nhiên - Tin học**	**17**	**14**	**3**
21	TOAN 171	Toán ứng dụng A1	3	3	0
22	TOAN 172	Toán ứng dụng A2	3	3	0
23	VLY 101	Vật lý đại cương 1	3	2	1
24	VLY 102	Vật lý đại cương 2	2	2	0
25	HOA 102	Hóa học đại cương	2	2	0
26	TIN 121	Tin học cơ bản 1	2	1	1
27	TIN 222	Tin học cơ bản 2	2	1	1
8.1.5		Giáo dục thể chất	**3**	**0**	**3**
8.1.6		Giáo dục quốc phòng và an ninh	**165h (4TC)**		
8.2		**KIẾN THỨC GIÁO DỤC CHUYÊN NGHIỆP**	**99**		
8.2.1		**Kiến thức cơsở ngành**	**15**	**14**	**1**
28	MAY 213	Vẽ kỹ thuật ngành may	2	2	0
29	DIEN 112	Kỹ thuật điện	2	2	0
30	MAY 214	An toàn lao động trong may công nghiệp	2	2	0
31	MAY 215	Hệ thống cỡ số trang phục	2	2	0
32	MAY 217	Vật liệu dệt may	2	2	0
33	MAY 219	Cơ sở thiết kế trang phục	2	2	0
34	MAY 216	Thiết bị may công nghiệp và bảo trì	3	2	1
8.2.2		**Kiến thức ngành**	**37**	**15**	**22**
8.2.2.1		PHẦN BẮT BUỘC	**33**	**13**	**20**
35	MAY 221	Thiết kế trang phục 1	3	3	0
36	MAY 222	Thiết kế trang phục 2	3	3	0
37	MAY 381	Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm AccuMark	3	0	3
38	MAY 341	Công nghệ may trang phục 1	2	2	0

STT	Mã học phần	Học phần	Tín chỉ		
			Tổng	LT	TH
39	MAY 382	Xử lý và hoàn tất sản phẩm dệt may	2	2	0
40	MAY 283	Quản lý sản xuất trong doanh nghiệp may	3	3	0
41	MAY 361	Thực hành may 1	6	0	6
42	MAY 362	Thực hành may 2	6	0	6
43	MAY 224	Thực hành thiết kế trang phục	5	0	5
8.2.2.2		PHẦN TỰ CHỌN *(chọn 2 trong 4 học phần sau)*	**4**	**2**	**2**
44	MAY 384	*Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm Lectra*	2	0	2
45	MAY 385	*Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm Optitex*	2	0	2
46	MAY 386	*Mỹ thuật trang phục*	2	2	0
47	MAY 387	*Quản lý đơn hàng ngành may*	2	2	0
8.2.3		**Kiến thức chuyên ngành**	**30**	**11**	**19**
8.2.3.1		PHẦN BẮT BUỘC	**26**	**11**	**15**
48	MAY 342	Công nghệ may trang phục 2	3	3	0
49	MAY 343	Công nghệ may trang phục 3	2	2	0
50	MAY 323	Thiết kế trang phục 3	3	3	0
51	MAY 481	Thiết kế và điều hành dây chuyền may	3	3	0
52	MAY 444	Thực hành công nghệ may	3	0	3
53	MAY 325	Đồ án thiết kế trang phục	1	0	1
54	MAY 445	Đồ án công nghệ may	1	0	1
55	MAY 463	Thực hành may 3	6	0	6
56	MAY 466	Thực hành may 4	4	0	4
8.2.3.2		PHẦN TỰ CHỌN*(chọn 2 trong 4 học phần sau)*	**4**	**0**	**4**
57	MAY 482	*Phát triển mẫu trên Manocanh*	2	0	2
58	MAY 483	*Thực hành thiết kế trang phục trẻ em*	2	0	2
59	MAY 484	*Sáng tác mẫu thời trang*	2	0	2
60	MAY 485	*Đồ hoạ kỹ thuật ứng dụng ngành may*	2	0	2
8.2.4		**Thực tập tốt nghiệp và Đồ án tốt nghiệp**	**17**	**0**	**17**
61	MAY 486	Thực tập tốt nghiệp	7	0	7
62	MAY 487	Đồ án tốt nghiệp *(hoặc học thêm một số học phần chuyên môn*)	**10**	**0**	**10**
63	MAY 464	Kỹ thuật may các sản phẩm cao cấp	5	0	5
64	MAY 465	Thực hành may các sản phẩm dệt kim	2	0	2
65	MAY 488	Chế tạo cữ gá may công nghiệp	3	0	3
		Tổng (tín chỉ)	**146**		

*** CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN TÙY Ý**

TT	Học phần	Số tín chỉ		
		Tổng	LT	TH
1	Tiếng Anh ngành CN dệt, may/Tiếng Trung5/Tiếng Nhật 5	3	3	0
2	Thực tập sản xuất	3	0	3
3	Kỹ năng mềm	15	8	7

9. MA TRẬN TÍCH HỢP HỌC PHẦN - CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
			Kiến thức					Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
1.	CTRI 206	Triết học Mác - Lênin	x													x			
2.	CTRI 201	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x													x			
3.	CTRI 204	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x													x			
4.	CTRI 203	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x													x			
5.	CTRI 205	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x													x			
6.	KHXH 102	Pháp luật đại cương			x									x		x			x
7.	QTRI 112	Khởi nghiệp kinh doanh	x													x			
8.	KHXH 361	Phương pháp nghiên cứu khoa học			x									x		x			x
9.	TANH 103	Tiếng Anh 1			x										x	x			
10.	TANH 201	Tiếng Anh 2			x										x	x			
11.	TANH 202	Tiếng Anh 3			x										x	x			
12.	TANH 303	Tiếng Anh 4			x										x	x			
13.	TANH 304	Tiếng Anh ngành CN dệt, may			x										x	x			
14.	TTRUNG 103	Tiếng Trung 1			x										x	x			
15.	TTRUNG 201	Tiếng Trung 2			x										x	x			
16.	TTRUNG 202	Tiếng Trung 3			x										x	x			
17.	TTRUNG 303	Tiếng Trung 4			x										x	x			
18.	TTRUNG 304	Tiếng Trung 5			x										x	x			
19.	TNHAT 103	Tiếng Nhật 1			x										x	x			
20.	TNHAT 201	Tiếng Nhật 2			x										x	x			
21.	TNHAT 202	Tiếng Nhật 3			x										x	x			
22.	TNHAT 303	Tiếng Nhật 4			x										x	x			

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
			Kiến thức					Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
23.	TNHAT 304	Tiếng Nhật 5			x										x	x			
24.	TOAN 171	Toán ứng dụng A1			x						x			x		x	x		
25.	TOAN 172	Toán ứng dụng A2			x						x			x		x	x		
26.	VLY 101	Vật lý đại cương 1			x									x		x	x		
27.	VLY 102	Vật lý đại cương 2			x									x		x	x		
28.	HOA 102	Hóa học đại cương			x									x		x	x		
29.	TIN 121	Tin học cơ bản 1		x												x			
30.	TIN 222	Tin học cơ bản 2		x												x			
31.	MAY 213	Vẽ kỹ thuật ngành may				x										x			x
32.	DIEN 112	Kỹ thuật điện				x										x			
33.	MAY 214	An toàn lao động trong may công nghiệp				x										x			
34.	MAY 215	Hệ thống cỡ số trang phục				x							x			x	x		x
35.	MAY 217	Vật liệu dệt may				x			x							x			
36.	MAY 219	Cơ sở thiết kế trang phục				x										x			x
37.	MAY 216	Thiết bị may công nghiệp và bảo trì				x										x			
38.	MAY 221	Thiết kế trang phục 1				x		x								x	x	x	
39.	MAY 222	Thiết kế trang phục 2				x		x								x	x	x	x
40.	MAY 381	Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm AccuMark				x	x				x		x			x	x	x	x
41.	MAY 341	Công nghệ may trang phục 1				x		x					x			x	x	x	x
42.	MAY 382	Xử lý và hoàn tất sản phẩm dệt may				x										x	x		x
43.	MAY 283	Quản lý sản xuất trong doanh nghiệp may				x	x			x	x	x		x		x	x		x
44.	MAY 361	Thực hành may 1				x	x	x								x	x	x	x
45.	MAY 362	Thực hành may 2				x	x			x	x	x		x		x	x	x	x

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
			Kiến thức					Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
46.	MAY 224	Thực hành thiết kế trang phục				x	x			x		x		x		x	x		x
47.	MAY 384	Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm Lectra				x		x								x			x
48.	MAY 385	Thiết kế - giác sơ đồ trên phần mềm Optitex				x		x					x			x	x	x	x
49.	MAY 386	Mỹ thuật trang phục				x							x			x	x	x	x
50.	MAY 387	Quản lý đơn hàng ngành may				x		x					x			x	x	x	x
51.	MAY 342	Công nghệ may trang phục 2				x	x			x	x					x	x		x
52.	MAY 343	Công nghệ may trang phục 3				x		x								x	x	x	x
53.	MAY 323	Thiết kế trang phục 3				x		x								x	x	x	x
54.	MAY 481	Thiết kế và điều hành dây chuyền may				x	x			x		x		x		x	x	x	x
55.	MAY 444	Thực hành công nghệ may				x	x				x					x	x	x	x
56.	MAY 325	Đồ án thiết kế trang phục				x	x	x								x	x	x	x
57.	MAY 445	Đồ án công nghệ may				x	x	x					x			x	x	x	x
58.	MAY 463	Thực hành may 3				x	x	x					x			x	x	x	x
59.	MAY 466	Thực hành may 4				x	x	x					x			x	x	x	x
60.	MAY 482	Phát triển mẫu trên Manơcanh				x		x								x	x	x	x
61.	MAY 483	Thực hành thiết kế trang phục trẻ em				x		x								x	x	x	x
62.	MAY 484	Sáng tác mẫu thời trang				x										x			x
63.	MAY 485	Đồ hoạ kỹ thuật ứng dụng ngành may			x											x			
64.	MAY 489	Thực tập sản xuất				x	x	x								x	x	x	x
65.	MAY 486	Thực tập tốt nghiệp				x	x	x								x			x
66.	MAY 487	Đồ án tốt nghiệp				x										x		x	
67.	MAY 464	Kỹ thuật may các sản phẩm cao cấp			x	x	x					x			x	x	x	x	

STT	Mã học phần	Học phần	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo																
			Kiến thức					Kỹ năng								Mức tự chủ và trách nhiệm			
			2.1.1	2.1.2	2.1.3	2.1.4	2.1.5	2.2.1	2.2.2	2.2.3	2.2.4	2.2.5	2.2.6	2.2.7	2.2.8	2.3.1	2.3.2	2.3.3	2.3.4
68.	MAY 465	Thực hành may các sản phẩm dệt kim				x	x	x					x			x	x	x	x
69.	MAY 488	Chế tạo cữ gá may công nghiệp				x							x			x	x	x	x
70.	GDTC	Giáo dục thể chất	**x**													**x**			
71.	QPAN	Giáo dục quốc phòng và an ninh	**x**													**x**			
72.	KNM	Kỹ năng mềm												x		x	x		
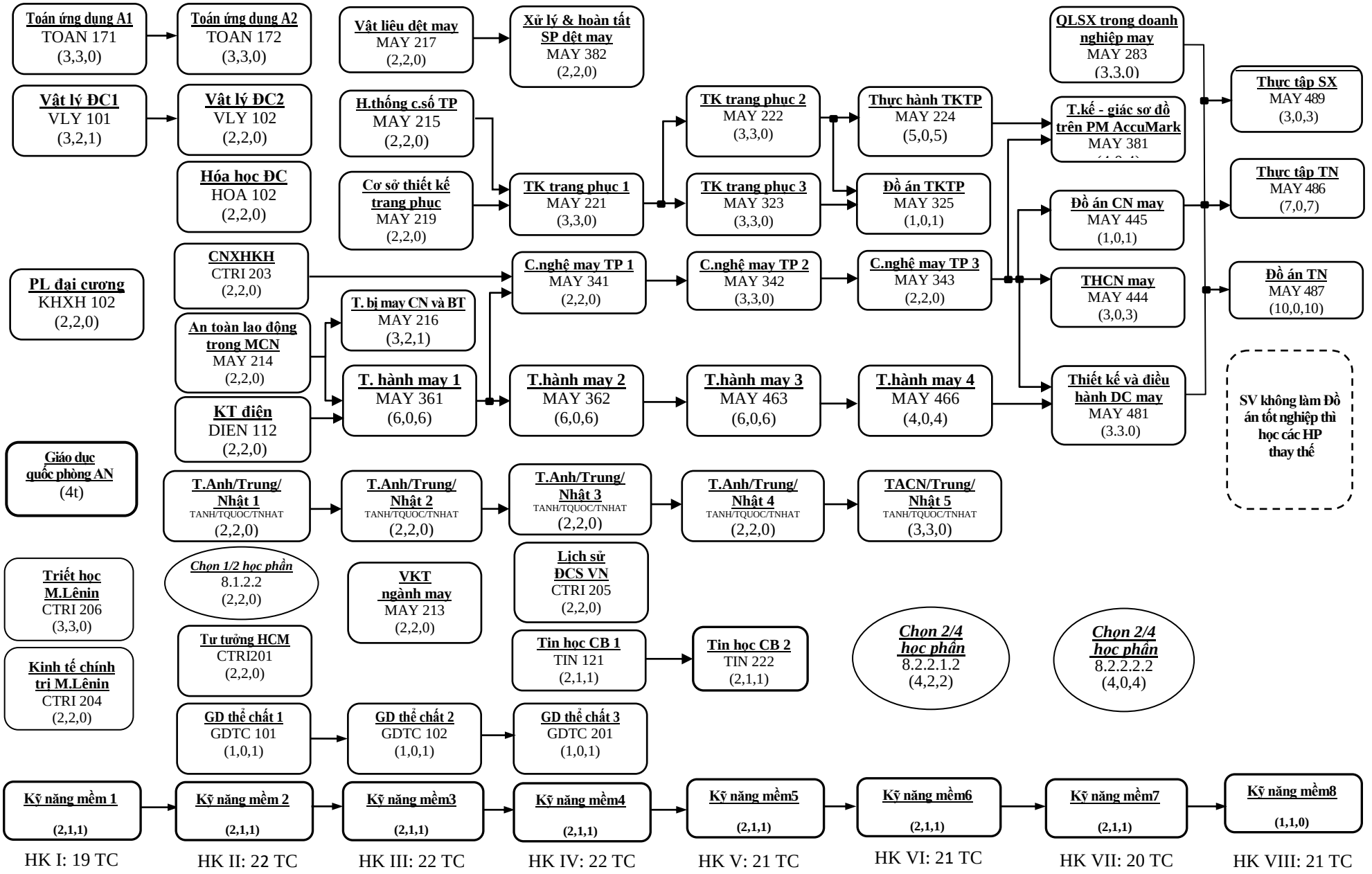
10. TIẾN TRÌNH ĐÀO TẠO